

VIỆN KHOA HỌC THỦY LỢI VIỆT NAM
VIỆN NƯỚC, TƯỚI TIÊU VÀ MÔI TRƯỜNG

Nhiệm vụ: “Giám sát, dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi Bắc Hưng Hải phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp” năm 2022

BẢN TIN KẾT QUẢ QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG ĐỢT 7

NGÀY QUAN TRẮC 11 THÁNG 7 NĂM 2022

NGÀY THÔNG TIN KẾT QUẢ QUAN TRẮC 12 THÁNG 7 NĂM 2022

CHỦ NHIỆM NHIỆM VỤ

CƠ QUAN THỰC HIỆN

VIỆN NƯỚC, TƯỚI TIÊU VÀ MÔI TRƯỜNG

ThS Vũ Quốc Chính

Thông tin chung

Nhiệm vụ “Giám sát, dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi Bắc Hưng Hải phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp năm 2022” được Tổng cục Thủy lợi – Bộ Nông nghiệp và PTNT giao Viện Nước, Tưới tiêu và Môi trường thực hiện năm 2022. Trong năm 2022 quan trắc tại 15 vị trí, 10 đợt vào vào các tháng 2, 3, 4, 7 và 8 (mỗi tháng lấy 2 đợt) và dự báo 7 ngày tiếp theo. Báo cáo kỳ được đưa lên websites của Tổng cục Thủy lợi tại địa chỉ www.httl.com.vn và gửi cho các địa phương vùng dự án.

Bản tin kết quả quan trắc hiện trường đợt 7 lấy mẫu ngày 11/7/2022. Nội dung gồm: Tình trạng đóng mở cống, chế độ dòng chảy, tình trạng chất thái, màu, mùi; kết quả đo các chỉ tiêu ngoài hiện trường (nhiệt độ, pH, DO) và những khuyến cáo chất lượng nước phục vụ SXNN.

Hà Nội, ngày 12 tháng 7 năm 2022

BẢN TIN VỀ KẾT QUẢ QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG ĐỢT 7

1. Nhiệm vụ: Giám sát, dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi Bắc Hưng Hải phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp.

2. Ngày quan trắc: 11/7/2022

Ngày cung cấp TT: 12/7/2022

3. Tình trạng hoạt động của các công trình tưới, tiêu:

- Mẫu lấy ngày 11/7/2022 vào thời kỳ cấp nước tưới dưỡng lúa vụ mùa (11/7 đến 28/10/2022). Thời điểm lấy mẫu, trà lúa mùa sớm đã cấy xong, lúa Mùa muộn đang cấy. Theo lệnh điều hành hệ thống của Công ty KTCTTL Bắc Hưng Hải: Xuân Quan không chế hạ lưu: 180 – 220 cm; Kênh Cầu không chế thượng lưu: 160 – 200 cm; Bá Thủy không chế thượng lưu: 120 – 150 cm; Neo không chế thượng lưu: 110 – 140 cm; Cầu Xe, An Thổ không chế thượng lưu: 80 – 100 cm hoặc gạn tháo.

- Tại thời điểm lấy mẫu, tình trạng hoạt động của các công trình tưới, tiêu như sau: Cổng Xuân Quan đóng trữ nước hạ lưu; Cầu Xe, An Thổ mở lấy nước ngược; Cầu Cát đóng kín; cống Kênh Cầu, Neo, Bá Thủy, Lược Điền mở thông. Các cống tiêu: Xuân Thụ đang thi công cống, nước chảy tự do ra sông Kim Sơn theo cống nắn dòng; Ngọc Đà mở thông 2 cửa; Phần Hà và Bình Lâu mở; Ngọc Lâm đóng.

4. Tổng số vị trí các điểm quan trắc: 15 (Có danh sách kèm theo)

5. Đơn vị thực hiện: Viện Nước, Tưới tiêu và MT

Người cung cấp thông tin: ThS Vũ Quốc Chính - Chủ nhiệm nhiệm vụ

6. Đơn vị nhận thông tin: Tổng cục Thủy lợi và các đơn vị khai thác CTTL trong vùng:

KẾT QUẢ QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG ĐỢT 7 (So sánh với QCVN 08-MT:2015/BTNMT cột A₁ và B₁)

TT	Ký hiệu mẫu	Vị trí lấy mẫu	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc hiện trường			Khuyến cáo	
				Mô tả thực địa	T (°C)	pH		DO (mg/l)
1	BHH 1	Cổng Xuân Quan	- Kiểm tra nước sông Hồng trước khi chảy vào hệ thống BHH - Nguồn nước có thể bị ảnh hưởng bởi nước ô nhiễm từ cống Xuân Thụ	- Cổng đóng, mặt nước tĩnh không có dòng chảy. Mức nước TL = 244 cm; HL = 235 cm; - Nước có màu xanh nhạt, không mùi, mặt nước có váng dầu và rác thải.	28,4	6,55	4,8	- DO đạt tiêu chuẩn nước phục vụ SXNN, nhưng không đạt tiêu chuẩn nước phục vụ cho NTTS. - Tăng cường lấy, trữ nước vào hệ thống. Nhưng không sử dụng nước trực tiếp cho NTTS.
2	BHH2	Cổng Xuân	- Kiểm tra nước sông Cầu Bậy trước khi chảy ra sông Kim	- Đang thi công cống, mẫu nước lấy tại cửa cống nắn dòng. Nước	29,3	6,78	0,8	- DO < 1 mg/l, cá và các sinh vật

TT	Ký hiệu mẫu	Vị trí lấy mẫu	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc hiện trường			Khuyến cáo	
				Mô tả thực địa	T (°C)	pH		DO (mg/l)
		Thụy	Son. - Nguồn nước bị ảnh hưởng của nước thải sinh hoạt, công nghiệp quận Long Biên và Gia Lâm.	chảy tự do ra ngoài, dòng chảy trung bình. Mực nước TL = 130cm; HL = 126 cm; - Nước có màu đen, mùi hôi thối, không có rác thải.				thủy sinh không thể sống được. - Khuyến cáo: Người dân không lấy nước tưới và sử dụng nước cho NTTS. - Tăng cường lấy nước qua các trạm bơm lấy nước từ sông Kim Sơn. Đề nghị đơn vị thi công có biện pháp khống chế nước chảy tự do ra sông Kim Sơn vào thời điểm lấy nước phục vụ sản xuất.
3	BHH3	Cầu Như Quỳnh	- Kiểm tra nước sông Đình Dù cấp cho SXNN và NTTS khu vực huyện Văn Lâm (Hưng Yên) và huyện Thuận Thành (Bắc Ninh) qua TB Như Quỳnh - Nguồn nước bị ảnh hưởng của nước thải sinh hoạt khu vực TT Như Quỳnh, nước thải các KCN: Như Quỳnh A, Như Quỳnh B và Tân Quang	- Dòng chảy trung bình theo hướng về cầu Tăng Bảo. - Nước màu xám đen, mùi hôi, nhiều vẩn rác và rác thải nổi trên sông.	28,7	6,59	2,3	- DO < 3 mg/l, không đạt tiêu chuẩn nước dùng cho SXNN và NTTS. - Khuyến cáo: Người dân hạn chế lấy nước tưới và không sử dụng nước cho NTTS. - Tăng cường lấy nước bổ sung từ sông Đuống qua TB Phú Mỹ.
4	BHH4	Cống kênh Cầu	- Kiểm tra nước sông Kim Sơn cấp cho SXNN và NTTS khu vực huyện Văn Giang và hạ lưu phía Bắc hệ thống. - Nguồn nước bị ảnh hưởng của các nguồn thải khu vực Gia Lâm, Long Biên xả qua cống Xuân Thụy; Nước thải KCN Như Quỳnh từ sông Đình Dù ra sông Kim Sơn tại cầu	- Cống mở thông, mặt nước tĩnh hầu như không có dòng chảy. Mực nước TL= HL = 126 cm. - Nước màu xám nhạt nhạt, không có mùi lạ, mặt nước có rác thải.	29,0	6,48	3,4	- DO < 4 mg/l, không đạt tiêu chuẩn nước phục vụ cho SXNN và NTTS. Cá và các sinh vật thủy sinh có thể có hiện tượng ngơ nổi đầu. - Có thể lấy nước tưới, nhưng không sử dụng nước trực tiếp cho NTTS.

TT	Ký hiệu mẫu	Vị trí lấy mẫu	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc hiện trường			Khuyến cáo	
				Mô tả thực địa	T (°C)	pH		DO (mg/l)
			Tăng Bảo					
5	BHH5	Cổng Ngọc Đà	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra nước kênh Kiên Thành tiêu ra sông Đình Dù. - Bị ảnh hưởng của nước thải sinh hoạt, công nghiệp khu Tân Quang, Như Quỳnh A, Phú Thụy, Trâu Quỳ. 	<ul style="list-style-type: none"> - Cổng mở 2 cửa, dòng chảy trung bình. - Nước trên kênh có màu đen, mùi hôi thối, không có rác thải. Hạ lưu sau cổng, nước có màu đen, nổi nhiều bọt trắng. 	28,7	6,44	1,0	<ul style="list-style-type: none"> - DO = 1 mg/l, cá và các sinh vật thủy sinh có thể bị chết. - Khuyến cáo cho người dân không lấy nước tưới và sử dụng nước cho NTTS; - Không nên mở cổng Ngọc Đà ra sông Đình Dù vào các thời điểm lấy nước phục vụ SXNN
6	BHH6	Cổng Ngọc Lâm	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra nước sông Cầu Lường trước khi chảy ra sông Kim Sơn. - Nguồn nước bị ảnh hưởng bởi nước thải KCN Minh Đức, các doanh nghiệp ven sông Cầu Lường ở xã Ngọc Lâm, Xuân Dục, Bạch Sam (huyện Mỹ Hào, Hưng Yên). 	<ul style="list-style-type: none"> - Cổng đóng, mặt nước tĩnh không có dòng chảy. - Nước màu xanh lơ, mùi hôi nhẹ, mặt nước nhiều rác thải. 	30,6	7,19	3,1	<ul style="list-style-type: none"> - DO < 4 mg/l, không đạt tiêu chuẩn nước phục vụ cho SXNN và NTTS. Cá và các sinh vật thủy sinh có thể có hiện tượng ngơ ngẩn đầu. - Khuyến cáo cho người dân có thể lấy nước tưới, nhưng không sử dụng nước trực tiếp cho NTTS;
7	BHH7	Cổng Phan Hà	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra nước kênh Trần Thành Ngọ trước khi chảy ra sông Kim Sơn. - Nguồn nước bị ảnh hưởng bởi nước thải KCN Dệt may phố Nối, KCN Thăng Long 2, nước thải sinh hoạt và các doanh nghiệp dọc đường 5, làng nghề thu gom phế liệu Phan Bôi của xã Dị Sử (huyện Mỹ Hào, Hưng Yên). 	<ul style="list-style-type: none"> - Cổng mở, dòng chảy yếu ra sông Kim Sơn. - Nước màu nâu đục, không có mùi lạ, nhiều rác thải trước cổng. 	29,7	6,83	3,8	<ul style="list-style-type: none"> - DO < 4 mg/l, không đạt tiêu chuẩn nước phục vụ cho SXNN và NTTS. Cá và các sinh vật thủy sinh có thể có hiện tượng ngơ ngẩn đầu. - Khuyến cáo cho người dân có thể lấy nước tưới, nhưng không sử dụng nước trực tiếp cho NTTS;

TT	Ký hiệu mẫu	Vị trí lấy mẫu	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc hiện trường			Khuyến cáo	
				Mô tả thực địa	T (°C)	pH		DO (mg/l)
8	BHH8	Cổng Bá Thủy	<ul style="list-style-type: none"> - Nước sông Kim Sơn chảy vào sông Đình Đào, cấp nước tưới cho huyện Bình Giang, Thanh Miện, Gia Lộc, tỉnh Hải Dương - Nguồn nước bị ảnh hưởng bởi nước thải TP Hải Dương khu vực nhà máy sứ, bệnh viện tỉnh HD chảy vào sông Kim Sơn. 	<ul style="list-style-type: none"> - Cổng mở thông, dòng chảy yếu. Mức nước TL= 124 cm; HL= 123 cm. - Nước màu xanh nhạt, không có mùi lạ, bèo tây lẫn nhiều rác thải dày đặc trước cổng. 	29,9	6,95	4,2	<ul style="list-style-type: none"> - DO đạt tiêu chuẩn nước phục vụ cho SXNN, nhưng không đạt tiêu chuẩn nước phục vụ cho NTTS. - Khuyến cáo cho người dân có thể lấy nước tưới, nhưng không sử dụng nước trực tiếp cho NTTS;
9	BHH9	Cổng Bình Lâu	<ul style="list-style-type: none"> - Tiêu nước thải TP Hải Dương khu vực nhà máy sứ, bệnh viện tỉnh HD chảy vào sông Kim Sơn. 	<ul style="list-style-type: none"> - Cổng mở, dòng chảy yếu ra sông Kim Sơn. - Nước màu đen, mùi hôi thối, không có rác thải. 	29,5	6,77	0,9	<ul style="list-style-type: none"> - DO < 1 mg/l, cá và các sinh vật thủy sinh không thể sống được. - Không mở cổng Bình Lâu ra sông Kim Sơn vào các thời điểm lấy nước phục vụ SXNN;
10	BHH10	Cổng Cầu Cát	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra nước sông Kim Sơn cấp cho SXNN và NTTS khu vực TP Hải Dương, huyện Tứ Kỳ và nước tiêu hệ thống ra sông Thái Bình. - Nguồn nước bị ảnh hưởng bởi nước tiêu TP Hải Dương. 	<ul style="list-style-type: none"> - Cổng đóng, mặt nước tĩnh, không có dòng chảy. Mức nước TL= 101 cm, HL= 160 cm. - Nước màu xanh lục nhạt, không có mùi lạ, không có rác thải. 	30,7	6,93	4,0	<ul style="list-style-type: none"> - DO đạt tiêu chuẩn nước phục vụ cho SXNN, nhưng không đạt tiêu chuẩn nước phục vụ cho NTTS u. - Khuyến cáo cho người dân tăng cường lấy nước tưới, nhưng không sử dụng nước trực tiếp cho NTTS;
11	BHH11	Cổng An Thổ	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra nước sông An Thổ cấp cho SXNN và NTTS vùng hạ du Ninh Giang, và nước tiêu hệ thống ra sông Luộc. 	<ul style="list-style-type: none"> - Cổng mở lấy nước ngược, dòng chảy mạnh. Mức nước TL= 151 cm; HL= 154 cm - Nước màu nâu nhạt, không có mùi lạ, không có rác thải. 	29,8	7,14	5,9	<ul style="list-style-type: none"> - DO đạt tiêu chuẩn nước dùng cho SXNN, nhưng không đạt tiêu chuẩn nước cấp cho NTTS. - Tăng cường lấy nước ngược và trữ nước vào hệ thống cấp cho SXNN. - Sử dụng được cho NTTS, nhưng khi sử dụng cần xử lý qua

TT	Ký hiệu mẫu	Vị trí lấy mẫu	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc hiện trường			Khuyến cáo	
				Mô tả thực địa	T (°C)	pH		DO (mg/l)
							các ao lắng và xử lý bằng thực vật trước khi cấp cho ao NTTS.	
12	BHH12	Cống Cầu Xe	Kiểm tra nước sông Cầu Xe cấp cho SXNN và NTTS vùng hạ du huyện Ninh Giang và nước tiêu hệ thống ra sông Thái Bình.	- Cống mở lấy nước ngược, dòng chảy trung bình. Mức nước TL= 152 cm; HL= 154 cm - Nước màu nâu nhạt, không có mùi lạ, không rác thải.	30,7	6,99	5,8	- DO đạt tiêu chuẩn nước dùng cho SXNN, nhưng không đạt tiêu chuẩn nước cấp cho NTTS. - Tăng cường lấy nước ngược và trữ nước vào hệ thống cấp cho SXNN. - Sử dụng được cho NTTS, nhưng khi sử dụng cần xử lý qua các ao lắng và xử lý bằng thực vật trước khi cấp cho ao NTTS.
13	BHH13	Cống Lục Điền	Kiểm tra nước sông Kim Sơn chảy vào sông Điện Biên	- Cống mở thông, dòng chảy yếu ra sông Kim Sơn. Mức nước TL= 115 cm; HL = 115 cm. - Nước màu vàng, không có mùi lạ, không có rác thải.	30,6	7,30	3,2	- DO < 4 mg/l, không đạt tiêu chuẩn nước phục vụ cho SXNN và NTTS. Cá và các sinh vật thủy sinh có thể có hiện tượng ngơ nổi đầu. - Khuyến cáo cho người dân có thể lấy nước tưới, nhưng không sử dụng nước trực tiếp cho NTTS;
14	BHH14	Cống Bằng Ngang	- Kiểm tra nước sông Điện Biên cấp cho SXNN và NTTS các xã phía Bắc huyện Kim Động, phía nam huyện Khoái Châu. - Nguồn nước bị ảnh hưởng nước thải sinh hoạt dân cư và	- Mặt nước tĩnh không có dòng chảy. - Nước màu xanh lục đậm, mùi hơi hôi. Nhiều rác thải.	31,6	7,21	2,8	- DO < 3 mg/l, không đạt tiêu chuẩn nước phục vụ cho SXNN và NTTS. Cá và các sinh vật thủy sinh có thể có hiện tượng ngơ nổi đầu. - Khuyến cáo: Người dân hạn chế lấy nước tưới và không sử

TT	Ký hiệu mẫu	Vị trí lấy mẫu	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc hiện trường			Khuyến cáo	
				Mô tả thực địa	T (°C)	pH		DO (mg/l)
			nước tiêu SXNN.				dùng nước cho NTTS;	
15	BHH15	Cổng Neo	- Kiểm tra nước sông Cửa An trước khi chảy vào địa giới tỉnh Hải Dương. - Nguồn nước bị ảnh hưởng của nước tiêu tỉnh Hưng Yên.	- Cổng mở thông, dòng chảy yếu. Mục nước TL= 112cm; HL= 113cm. - Nước màu xanh nhạt, không có mùi lạ, mặt nước nhiều bèo tây và rác thải.	30,8	6,82	4,2	- DO đạt tiêu chuẩn nước dùng cho SXNN, nhưng không đạt tiêu chuẩn nước cấp cho NTTS. - Khuyến cáo: Người dân có thể lấy nước tưới, nhưng không sử dụng nước trực tiếp cho NTTS;
QCVN 08-MT:2015/BTNMT cột A1			-	-	6,0-8,5	≥6	-	
QCVN 08-MT:2015/BTNMT cột B1			-	-	5,5-9,0	≥4	-	

Ghi chú: QCVN08-MT:2015/BTNMT cột A1- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt

- Cột A1 - Sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt (sau khi áp dụng xử lý thông thường), bảo tồn động thực vật thủy sinh và các mục đích khác như loại A2, B1 và B2.
- Cột B1- Dùng cho mục đích tưới tiêu thủy lợi hoặc các mục đích sử dụng khác có yêu cầu chất lượng tương tự hoặc các mục đích sử dụng như loại B2;